

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 21/01/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1989; HKTT: Thôn PL, xã XL, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1996; HKTT: Thôn PL, xã XL, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Ngõ 66 đường HTM, phường MD, quận CG, Hà Nội (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Đình B, sinh năm 1960.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Thôn LA, xã SG, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Trịnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Trịnh Thị H ngày 20/11/2017 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới, chị H về chung sống với anh ngay. Vợ chồng anh sống chung với gia đình anh tại thôn Phúc Lai, xã Xuân Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn thua lỗ nên chị H đã có những lời lẽ xúc phạm anh và vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm phai nhạt. Từ tháng 12/2023 mặc dù vẫn chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng không sinh hoạt cùng nhau, chị H luôn uy hiếp tinh thần, đe dọa anh và vợ chồng đã sống ly thân. Đến cuối tháng 3/2024 thì chị H đã về nhà đẻ ở từ đó cho đến nay. Từ khi chị H về nhà đẻ ở thì anh cũng không gọi về nhà anh nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ, anh đề nghị được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Gia Hân sinh ngày 05/11/2018 và Vũ Tuệ Lâm, sinh ngày 05/11/2022. Hiện nay anh đang nuôi dưỡng cháu Gia Hân, chị H đang nuôi dưỡng cháu Tuệ Lâm. Ly hôn anh xin được nuôi cả 02 con chung. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung và đến nay vợ chồng đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Đ xác định vợ chồng có vay Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Gia Bình để làm ăn kinh tế và nhờ bố mẹ đẻ chị H là ông Trịnh Đình B và bà Nguyễn Thị Đ cho mượn sổ đỏ thế chấp quyền sử dụng đất vay ngân hàng, sau đó bố mẹ chị H đã cho anh vay 134 triệu đồng để tắt toán ngân hàng và lấy sổ đỏ về. Nay anh xác định vợ chồng còn nợ ông B bà Đ số tiền trên. Anh đề nghị vợ chồng cùng có trách nhiệm trả ông bà và mỗi người phải trả ông bà $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Ngoài ra, anh Đ không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trịnh Thị H trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh Đ về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng.

Theo chị H, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì xảy ra; anh Đ tự làm đơn xin ly hôn mà không nói gì với chị, đến ngày 21/3/2024 thì chị H phát hiện ra anh Đ có quan hệ không chung thủy với chị sau đó bố mẹ đẻ chị đã xin phép gia đình anh Đ và đón chị về nhà đẻ ở từ đó cho đến nay, trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ thì anh Đ không gọi về mà chỉ gọi điện thoại nói giải quyết ly hôn. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh Đ xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Đ đã trình bày trên là đúng. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng cho cả 2 con (mỗi con là 2.500.000đ/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H xác định quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung và đến nay vợ chồng đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công nợ: Anh Đ còn vay của bố mẹ đẻ chị là ông Trịnh Đình B và bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 134.000.000 đồng, anh Đ sử dụng vào việc gì chị không biết. Ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết buộc một mình anh Đ phải trả khoản nợ vay của ông B và bà Đ vì chị không biết và không được sử dụng số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Đình B và bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Năm 2018 thì anh Đ có vay vốn ngân hàng để làm ăn và có hỏi ông bà cho mượn sổ đỏ nhà đất để thế chấp vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Gia Bình nên ông đã ký hợp đồng thế chấp để anh Đ vay số tiền ngân hàng. Năm 2021, ông bà làm thủ tục sang tên sổ đỏ cho con trai nên đã cho anh Đ vay 134.000.000 đồng để trả Ngân hàng và rút sổ đỏ ra, nay anh Đ vẫn còn nợ ông bà số tiền trên. Việc anh Đ vay có nói là để làm ăn, con gái ông bà là chị H không biết việc làm ăn của anh Đ. Nay vợ chồng anh Đ, chị H ly hôn, ông bà đề nghị cá nhân anh Đ phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền đã vay là 134.000.000 đồng. Ông, bà không yêu cầu tính lãi.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Gia Bình căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Gia Hân, sinh ngày 05/11/2018 và Vũ Tuệ Lâm, sinh ngày 05/11/2022. Giao cháu Vũ Gia Hân cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Tuệ Lâm cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về công nợ: Buộc anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị H mỗi người phải trả ông Trịnh Đình B và bà Nguyễn Thị Đ 67.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/8/2024, chị Trịnh Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần con chung, đề nghị sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo hướng giao cả 02 con chung là các cháu Vũ Gia Hân, sinh ngày 05/11/2018 và Vũ Tuệ Lâm, sinh ngày 05/11/2022 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Vũ Văn Đức cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng/con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Trịnh Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị H, giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng và buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị H trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Anh Vũ Văn Đ kết hôn với chị Trịnh Thị H ngày 20/11/2017 đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đức và chị H quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của Chị Trịnh Thị H:

Anh chị có 02 con chung là Vũ Gia Hân sinh ngày 05/11/2018 và Vũ Tuệ Lâm, sinh ngày 05/11/2022. Hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng cháu Hân, chị H đang nuôi dưỡng cháu Lâm. Ly hôn, anh Đ và chị H đều có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung, cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, phía chị H yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 5.000.000đồng/tháng cho cả 2 cháu. Xét thấy, cả anh Đ và chị H cùng có nguyện vọng được nuôi cả hai con, hiện tại cả anh Đ và chị H cùng có việc làm và thu nhập ngang nhau khoảng 10 - 12 triệu đồng/tháng. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Tuệ Lâm, hiện cháu dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Hân từ nhỏ đã sống với anh Đức, hiện nay vẫn đang ở cùng anh Đức nên tránh xáo trộn môi trường sinh hoạt và học tập của cháu nên bản án sơ thẩm tuyên giao cháu Vũ Gia Hân cho anh Đức trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh Đức và chị H mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 14/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn Đ và chị Trịnh Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Gia H3, sinh ngày 05/11/2018 cho anh Vũ Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Tuệ L, sinh ngày 05/11/2022 cho chị Trịnh Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0002807 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính